

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG HẠ TẦNG CII
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	4 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	8 - 37

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Xây dựng Hạ tầng CII (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Lê Vũ Hoàng	Chủ tịch
Ông Ngô Đình Thành	Phó Chủ tịch
Ông Lê Quốc Bình	Thành viên
Ông Phạm Vũ Thức	Thành viên
Ông Mai Thanh Trúc	Thành viên
Ông Hồ Đắc Hậu	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Phạm Vũ Thức	Tổng Giám đốc
Ông Phùng Văn Hiền	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Trường Thanh	Phó Tổng Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Trong việc lập các báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

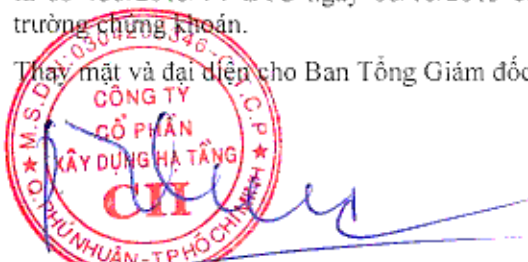
Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Phạm Vũ Thức
Tổng Giám đốc

Ngày 30 tháng 3 năm 2016



Số: 567/2017/BCKT-IFCHCM

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Cố đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
 Công ty Cổ phần Xây dựng Hạ tầng CII**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Xây dựng Hạ tầng CII (gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 30 tháng 3 năm 2016, từ trang 4 đến trang 37, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Báo cáo kiểm toán này phát hành thay thế Báo cáo kiểm toán số 424.1/2016/BCKT-IFCHCM ngày 30 tháng 3 năm 2016.



Lương Xuân Trường
Giám đốc chi nhánh
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 1741-2013-072-1
TP. Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 4 năm 2017

Lương Giang Thạch
Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 2178-2013-072-1



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

MẪU SỐ B 01-DN/HN
Đơn vị: VND


TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015	01/01/2015
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1.083.418.582.559	562.253.386.787
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	179.158.403.555	165.975.179.165
1. Tiền	111		3.229.949.292	165.975.179.165
2. Các khoản tương đương tiền	112		175.928.454.263	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		161.001	161.001
1. Chứng khoán kinh doanh	121		161.001	161.001
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		457.347.668.753	230.113.928.972
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	165.948.119.581	46.631.388.253
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	110.851.506.800	26.333.149.325
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	8.a	183.702.834.062	158.514.703.521
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	9	(3.154.791.690)	(1.365.312.127)
IV. Hàng tồn kho	140		422.587.505.975	144.916.408.579
1. Hàng tồn kho	141	10	422.587.505.975	144.916.408.579
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		24.324.843.275	21.247.709.070
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	11.a	1.451.119.234	15.781.050.909
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		22.873.690.367	5.466.658.161
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		33.674	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		127.649.628.599	73.337.509.146
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		1.481.668.700	106.335.000
5. Phải thu dài hạn khác	216	8.b	1.481.668.700	106.335.000
II. Tài sản cố định	220		37.070.096.696	19.990.016.404
1. Tài sản cố định hữu hình	221	12	24.739.552.005	19.855.048.372
- Nguyên giá	222		58.866.107.331	38.242.432.740
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(34.126.555.326)	(18.387.384.368)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	13	12.156.410.000	-
- Nguyên giá	225		12.156.410.000	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	14	174.134.691	134.968.032
- Nguyên giá	228		918.607.377	160.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(744.472.686)	(25.031.968)
III. Bất động sản đầu tư	230	15	5.284.084.812	5.442.506.497
- Nguyên giá	231		6.879.035.896	6.879.035.896
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(1.594.951.084)	(1.436.529.399)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		1.269.710.812	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		1.269.710.812	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	16	15.579.479.565	15.282.550.000
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	16.a	2.256.929.565	1.960.000.000
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	16.b	13.322.550.000	13.322.550.000
VI. Tài sản dài hạn khác	260		66.964.588.014	32.516.101.245
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	11.b	20.348.664.400	32.516.101.245
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	17	3.921.389.198	-
5. Lợi thế thương mại	269	18	42.694.534.416	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		1.211.068.211.158	635.590.895.933

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

MẪU SỐ B 01-DN/HN
Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015	01/01/2015
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		808.470.973.258	232.805.133.303
I. Nợ ngắn hạn	310		795.098.922.258	232.805.133.303
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	19	42.206.490.434	18.431.612.920
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	20	282.076.805.536	10.323.365.891
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	21	27.306.694.833	2.336.934.271
4. Phải trả người lao động	314		2.124.154.669	4.152.389.555
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	22	1.876.639.894	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	23	228.810.694.351	160.674.079.448
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	24.a	210.331.288.363	36.093.000.000
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		366.154.178	793.751.218
II. Nợ dài hạn	330		13.372.051.000	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	24.b	13.372.051.000	-
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		402.597.237.900	402.785.762.630
I. Vốn chủ sở hữu	410	25	402.597.237.900	402.785.762.630
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		400.000.000.000	400.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		400.000.000.000	400.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		400.000.000	400.000.000
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		1.846.985.965	1.846.985.965
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		350.251.935	538.776.665
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		9.004.433.399	-
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		(8.654.181.464)	538.776.665
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		1.211.068.211.158	635.590.895.933


Nguyễn Thị Khánh Phương
Người lập biểu
Ngày 30 tháng 3 năm 2016


Lưu Hải Ca
Kế toán trưởng



Phạm Vũ Thức
Tổng Giám đốc

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

MẪU SỐ B 02-DN/HN
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	2015	2014
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	26	1.177.999.905.149	337.753.616.190
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	26	328.561.969	491.021.790
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	26	1.177.671.343.180	337.262.594.400
4. Giá vốn hàng bán	11	27	1.034.629.534.858	300.603.689.200
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		143.041.808.322	36.658.905.200
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	28	10.745.377.959	11.514.378.836
7. Chi phí tài chính	22	29	16.772.945.359	4.548.345.036
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23			
8. Phần lãi trong công ty liên doanh, liên kết	24		172.020.790	-
9. Chi phí bán hàng	25		221.183.460	-
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	30	21.042.569.651	10.830.990.055
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		115.922.508.601	32.793.948.945
12. Thu nhập khác	31	31	3.038.514.812	686.531.227
13. Chi phí khác	32	32	2.784.221.960	3.152.200.300
14. Lợi nhuận khác	40		254.292.852	(2.465.669.073)
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		116.176.801.453	30.328.279.872
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	33	27.918.284.498	5.916.789.238
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	17	(3.921.389.198)	-
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		92.179.906.153	24.411.490.634
19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		92.179.906.153	24.411.490.634
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		-	-
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	34	2.304	610


Nguyễn Thị Khánh Phương
Người lập biểu
Ngày 30 tháng 3 năm 2016

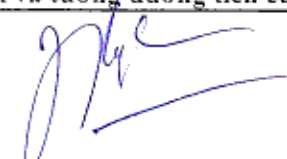

Lưu Hải Ca
Kế toán trưởng

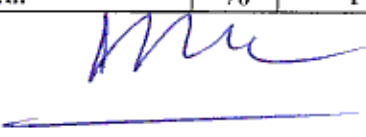

Phạm Vũ Thứ
Tổng Giám đốc

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp trực tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

MẪU SỐ B 03-DN/HN
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	2015	2014
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	1.353.921.353.793	314.876.577.590
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	(1.142.006.690.079)	(533.494.292.819)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(27.356.093.616)	(20.291.966.556)
4. Tiền lãi vay đã trả	04	(10.960.932.407)	(18.348.168.600)
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05	(7.099.677.406)	(6.159.254.743)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	116.145.352.752	556.802.241.026
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(56.957.085.765)	(425.140.133.086)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	225.686.227.272	(131.754.997.188)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(19.429.749.358)	(17.859.730.000)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	15.900.051.000	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(216.719.561.303)	(258.788.300.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	184.033.769.463	355.811.654.697
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(37.318.480.694)	(78.000.000.000)
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	5.772.864.115	11.514.378.836
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(67.761.106.777)	12.678.003.533
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	265.925.110.000
3. Tiền thu từ đi vay	33	1.374.017.822.414	743.343.000.000
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	(1.486.645.280.310)	(737.810.553.855)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35	-	(752.149.575)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(32.114.438.209)	(1.906.635.900)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(144.741.896.105)	268.798.770.670
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	13.183.224.390	149.721.777.015
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	165.975.179.165	16.253.402.150
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	179.158.403.555	165.975.179.165


Nguyễn Thị Khánh Phương
Người lập biểu
Ngày 30 tháng 3 năm 2016


Lưu Hải Ca
Kế toán trưởng


Phạm Văn Thúc
Tổng Giám đốc



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Xây dựng Hạ tầng CII (gọi tắt là "Công ty") là công ty cổ phần được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0304200346 cấp lần đầu ngày 19 tháng 1 năm 2006 bởi Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh và các lần thay đổi.

Vốn điều lệ tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 400 tỷ VND, được chia thành 40 triệu cổ phần bằng nhau, mệnh giá một cổ phần là 10.000 VND.

Công ty mẹ của Công ty là Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là thi công xây lắp, khai thác khoáng sản.

Hoạt động chính của Công ty trong năm là: thi công, xây dựng công trình đường sắt, đường bộ; xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác; công trình công ích; cho thuê máy móc, thiết bị; khai thác và chế biến cát, đá, sỏi, đất sét; sản xuất bê tông và các thành phẩm từ xi măng, thạch cao.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Các sự kiện quan trọng đã xảy ra trong năm hoạt động

Trong năm, Công ty đã mua lại Công ty TNHH MTV NBB Quảng Ngãi với tỷ lệ sở hữu 100% vốn điều lệ.

Cấu trúc Công ty

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Công ty đang đầu tư vào các công ty con và công ty liên kết sau:

	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết (%)	Hoạt động chính
Công ty con				
1. Công ty TNHH MTV NBB Quảng Ngãi	Tỉnh Quảng Ngãi	100%	100%	Khai thác, sản xuất kinh doanh các loại đất, đá
Công ty liên kết				
1. Công ty Cổ phần Tư vấn và Kiểm định Xây dựng	TP. Hồ Chí Minh	32,52%	32,52%	Tư vấn và kiểm định xây dựng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY (tiếp theo)

Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 03, kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2015, Công ty đã áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp theo Thông tư 200/2014/TT-BTC (“Thông tư 200”) hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp và Thông tư số 202/2014/TT-BTC (“Thông tư 202”) hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Theo đó, Công ty đã thực hiện trình bày lại một số chỉ tiêu trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 1 tháng 1 năm 2015 theo quy định của Thông tư 200 và Thông tư 202, do đó số liệu của Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 là có thể so sánh được với số liệu tương ứng của năm 2014. Chi tiết các khoản mục được trình bày lại được thể hiện tại Thuyết minh số 37.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC (“Thông tư 200”) hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp và Thông tư số 202/2014/TT-BTC (“Thông tư 202”) hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Các thông tư này có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Thông tư 200 thay thế cho các quy định về chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Thông tư 202 thay thế cho phần XIII - Thông tư số 161/2007/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2007 của Bộ Tài chính hướng dẫn lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 25 “Báo cáo tài chính hợp nhất và kế toán các khoản đầu tư vào công ty con”. Ban Tổng Giám đốc đã áp dụng Thông tư 200 và Thông tư 202 trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty và báo cáo tài chính của các công ty do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho cùng kỳ kế toán. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong kỳ được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng tập đoàn được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của công ty mẹ và được trình bày là một chỉ tiêu thuộc phần vốn chủ sở hữu trong Bảng cân đối kế toán hợp nhất. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

Hợp nhất kinh doanh

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua công ty con.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông không kiểm soát trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Khoản đầu tư vào công ty liên kết được hợp nhất trong báo cáo tài chính theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo phương pháp này, giá trị của khoản đầu tư ban đầu được ghi nhận theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần sở hữu của Công ty trong phần tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư. Các khoản lỗ của công ty liên kết vượt quá khoản góp vốn của Công ty tại công ty liên kết đó (bao gồm bất kể các khoản góp vốn dài hạn mà về thực chất tạo thành đầu tư thuần của Công ty tại công ty liên kết đó) không được ghi nhận.

Trong trường hợp một công ty thành viên của Công ty thực hiện giao dịch với một công ty liên kết với Công ty, lãi/lỗ chưa thực hiện tương ứng với phần góp vốn của Công ty vào công ty liên kết, được loại trừ khỏi báo cáo tài chính hợp nhất.

Góp vốn liên doanh

Các khoản góp vốn liên doanh là thỏa thuận trên cơ sở ký kết hợp đồng mà theo đó Công ty và các bên tham gia thực hiện hoạt động kinh tế trên cơ sở đồng kiểm soát. Cơ sở đồng kiểm soát được hiểu là việc đưa ra các quyết định mang tính chiến lược liên quan đến các chính sách hoạt động và tài chính của đơn vị liên doanh phải có sự đồng thuận của các bên tham gia liên doanh.

Các thỏa thuận góp vốn liên doanh liên quan đến việc thành lập một cơ sở kinh doanh độc lập trong đó có các bên tham gia góp vốn liên doanh được gọi là cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát. Công ty lập báo cáo về các khoản lợi ích trong các cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại trên báo cáo tài chính hợp nhất là phần phụ trội giữa mức giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần lợi ích của Công ty trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con, công ty liên kết, hoặc đơn vị góp vốn liên doanh tại ngày thực hiện nghiệp vụ đầu tư.

Lợi thế thương mại từ việc mua công ty con được ghi nhận là một loại tài sản dài hạn trong Bảng cân đối kế toán hợp nhất, được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính là khoảng 10 năm. Khi bán công ty con, giá trị còn lại của khoản lợi thế thương mại chưa khấu hao hết được tính vào khoản lãi/lỗ do nghiệp vụ nhượng bán công ty tương ứng.

Lợi thế kinh doanh có được từ việc mua công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được tính vào giá trị ghi sổ của công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát. Công ty không phân bổ dần khoản lợi thế thương mại này.

Lãi từ nghiệp vụ mua giá rẻ

Lãi từ nghiệp vụ mua giá rẻ là phần phụ trội lợi ích của Công ty trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng đánh giá được của công ty con, công ty liên kết, và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát tại ngày phát sinh nghiệp vụ mua công ty so với giá phí hợp nhất kinh doanh. Lãi từ nghiệp vụ mua giá rẻ được ghi nhận ngay vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất tại thời điểm phát sinh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

MÃ SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, các khoản ký quỹ, phải thu khác, các khoản đầu tư tài chính và các công cụ tài chính phái sinh.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, các khoản nợ thuê tài chính, các khoản vay và công cụ tài chính phái sinh.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh là các khoản chứng khoán được Công ty nắm giữ với mục đích kinh doanh. Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận bắt đầu từ ngày Công ty có quyền sở hữu và được xác định giá trị ban đầu theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh. Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo giá gốc trừ các khoản giảm giá chứng khoán kinh doanh. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo giá gốc trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập theo quy định tại Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 6 năm 2013 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi bổ sung Thông tư số 228/2009/TT-BTC hướng dẫn việc trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Máy móc và thiết bị	3 - 10
Phương tiện vận tải	3 - 12
Thiết bị dụng cụ quản lý	5 - 10

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Thuê tài sản

Một khoản thuê được xem là thuê tài chính khi phần lớn các quyền lợi và rủi ro về quyền sở hữu tài sản được chuyển sang cho người đi thuê. Tất cả các khoản thuê khác được xem là thuê hoạt động.

Công ty ghi nhận tài sản thuê tài chính theo giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu thuê hoặc theo giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu, nếu giá trị này thấp hơn. Nợ phải trả bên cho thuê tương ứng được ghi nhận trên bảng cân đối kế toán như một khoản nợ phải trả về thuê tài chính. Các khoản thanh toán tiền thuê được chia thành chi phí tài chính và khoản phải trả nợ gốc nhằm đảm bảo tỷ lệ lãi suất định kỳ cố định trên số dư nợ còn lại. Chi phí thuê tài chính được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh, trừ khi các chi phí này trực tiếp hình thành nên tài sản đi thuê, trong trường hợp đó sẽ được vốn hóa theo chính sách kế toán về chi phí đi vay.

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản. Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê. Các khoản tiền nhận được hoặc phải thu nhằm tạo điều kiện ký kết hợp đồng thuê hoạt động cũng được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

Các tài sản đi thuê tài chính được khấu hao trên thời gian hữu dụng ước tính tương tự như áp dụng với tài sản thuộc sở hữu của Công ty hoặc trên thời gian đi thuê, trong trường hợp thời gian này ngắn hơn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

MÃU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm giá trị của phần mềm máy tính và quyền khai thác khoáng sản. Trong đó, phần mềm vi tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ 3 đến 5 năm. Quyền khai thác khoáng sản được ghi nhận dựa trên các chi phí mà Công ty đã bỏ ra và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong khoảng thời gian mà Công ty được quyền khai thác.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư bao gồm quyền sử dụng đất và nhà xưởng, vật kiến trúc do công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá. Bất động sản đầu tư cho thuê được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Bất động sản đầu tư chờ tăng giá được trình bày theo nguyên giá trừ suy giảm giá trị. Nguyên giá của bất động sản đầu tư được mua bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp như phí dịch vụ tư vấn về luật pháp liên quan, thuế trước bạ và chi phí giao dịch liên quan khác. Nguyên giá bất động sản đầu tư tự xây là giá trị quyết toán công trình hoặc các chi phí liên quan trực tiếp của bất động sản đầu tư.

Bất động sản đầu tư cho thuê được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính tương tự như áp dụng với tài sản thuộc sở hữu của Công ty.

Công ty không trích khấu hao đối với bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá.

Các khoản trả trước dài hạn

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Các khoản chi phí trả trước dài hạn của Công ty bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng, chi phí sửa chữa duy tu mô khai thác khoáng sản, chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định ... và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản nợ phải trả được phân loại dựa vào tính chất bao gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ và các khoản phải trả khác không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ. Các khoản nợ phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Chi phí phải trả

Chi phí phải trả bao gồm các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Vốn chủ sở hữu

Vốn chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát sinh và mệnh giá cổ phiếu phát hành lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối là số lợi nhuận (hoặc lỗ) từ kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty trừ (-) chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của kỳ hiện hành và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Nguyên tắc trích lập các khoản dự trữ, các quỹ từ lợi nhuận sau thuế căn cứ vào Điều lệ của Công ty và nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Hợp đồng xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán được tính bằng tỷ lệ phần trăm giữa chi phí phát sinh của phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán so với tổng chi phí dự toán của hợp đồng, ngoại trừ trường hợp chi phí này không tương đương với phần khối lượng xây lắp đã hoàn thành. Khoản chi phí này có thể bao gồm các chi phí phụ thêm, các khoản bồi thường và chi thường thực hiện hợp đồng theo thỏa thuận với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn.

Ghi nhận giá vốn

Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ được ghi nhận theo giá trị thực tế phát sinh và tập hợp theo giá trị và số lượng thành phẩm, hàng hóa, vật tư xuất bán và dịch vụ cung cấp cho khách hàng, đảm bảo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng. Các chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho và dịch vụ cung cấp được ghi nhận ngay vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Thuế (tiếp theo)

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
Tiền mặt	61.972.776	10.662.564
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	3.167.976.516	165.964.516.601
Các khoản tương đương tiền	175.928.454.263	-
Cộng	179.158.403.555	165.975.179.165

6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
Công ty TNHH MTV BOT tỉnh Ninh Thuận	81.378.567.443	20.525.935.348
Ban Quản Lý Dự án Đường Hồ Chí Minh	21.511.388.527	-
Công ty TNHH Xây Dựng Nền Móng Tam Đạt	24.076.155.561	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng BMT	8.540.560.184	-
Ban Quản lý Dự án Giao thông Nông thôn Vĩnh Long	6.359.003.754	13.110.557.009
Phải thu các khách hàng khác	24.082.444.112	12.994.895.896
Cộng	165.948.119.581	46.631.388.253
<i>Trong đó, phải thu các bên liên quan:</i>		
Công ty TNHH MTV BOT tỉnh Ninh Thuận	21.511.388.527	20.525.935.348
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Xây dựng Ninh Thuận	1.280.288.994	1.280.288.994
Công ty Cổ phần Xây dựng Cầu Sài Gòn	475.696.190	475.696.190
Công ty Cổ phần Tư vấn & Kiểm định Xây dựng	147.869.697	-
Cộng	23.415.243.408	22.281.920.532

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
Công ty Cổ phần Tư vấn & Kiểm định Xây dựng	31.940.876.020	1.103.355.694
Công ty CP TM-XD Vạn Phúc Khang	29.740.678.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Thương mại 592	28.476.592.000	2.927.682.500
Công ty TNHH Xây Dựng Nền Móng Tam Đạt	11.732.492.795	5.326.795.501
Công ty TNHH Thông Dung	-	4.062.018.000
Các đối tượng khác	8.960.867.985	12.913.297.630
Cộng	110.851.506.800	26.333.149.325

Trong đó, trả trước cho người bán là các bên liên quan

Công ty Cổ phần Tư vấn & Kiểm định Xây dựng	31.940.876.020	1.103.355.694
Công ty CP Đầu tư Cầu đường CII	35.550.000	-
Công ty Cổ phần Cơ Khí Điện Lữ Gia	1.919.386.070	-
Công ty Cổ phần Kỹ thuật Enviro	266.997.830	-
Cộng	34.162.809.920	1.103.355.694

8. PHẢI THU KHÁC

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
a. Phải thu ngắn hạn		
Tạm ứng vốn cho các đội thi công các công trình xây dựng	58.197.291.246	78.686.565.360
Góp vốn hợp tác kinh doanh	19.978.897.930	-
Ký cược, ký quỹ	17.329.970.975	1.807.233.616
Trả trước tiền mua cổ phần (i)	78.000.000.000	78.000.000.000
Phải thu người lao động	2.143.694.719	-
Phải thu về lãi tiền gửi	1.130.165.684	-
Thuế GTGT chờ kê khai của TSCĐ thuê tài chính	1.215.640.500	-
Cổ tức, lợi nhuận phải thu	23.520.000	-
Các khoản phải thu khác	5.683.653.008	20.904.545
	183.702.834.062	158.514.703.521
b. Phải thu dài hạn		
Ký cược, ký quỹ	1.481.668.700	106.335.000
	1.481.668.700	106.335.000
Cộng	185.184.502.762	158.621.038.521

Trong đó, phải thu các bên liên quan

Công ty Cổ phần Đầu tư Cầu đường CII (i)	78.000.000.000	78.000.000.000
	78.000.000.000	78.000.000.000

(i) Đây là khoản thanh toán trước cho Công ty Cổ phần Đầu tư Cầu đường CII để mua 7.800.000 cổ phần tương đương 99,8% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Cơ khí điện Lữ Gia theo hợp đồng đặt mua cổ phần đã ký kết vào ngày 6 tháng 10 năm 2014.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

9. NỢ XẤU

	31/12/2015			01/01/2015			Đối tượng nợ
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian	
	VND	VND	quá hạn	VND	VND	quá hạn	
Phải thu giá trị thị công công trình	1.234.021.590	-	>3 năm	1.234.021.590	-	>3 năm	BQL Dự án Đầu tư Xây dựng Công trình Quận 8
Phải thu từ bán hàng	1.743.198.547	-					Các khách hàng khác
Phải thu giá trị thị công công trình	257.385.076	79.813.523	1-2 năm	257.385.076	128.692.538	1-2 năm	BQL Đầu tư Xây dựng Công trình Huyện Hóc Môn
Phải thu giá trị thị công công trình	-	-		5.195.999	2.598.000	1-2 năm	BQL các Dự án và Xây dựng Chuyên ngành Giao thông Kiên Giang
Cộng	3.234.605.213	79.813.523		1.496.602.665	131.290.538		
Giá trị đã lập dự phòng	3.154.791.690			1.365.312.127			

10. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	25.711.712.729	-	26.030.611.351	-
Công cụ, dụng cụ	407.697.408	-	-	-
Chi phí thi công các công trình xây dựng dở dang	392.830.480.049	-	118.885.797.228	-
phẩm dở dang	564.852.355	-	-	-
Thành phẩm	2.752.550.616	-	-	-
Hàng hóa	308.591.336	-	-	-
Hàng gửi bán	11.621.482	-	-	-
Hàng hóa kho bảo thuế	-	-	-	-
Cộng	422.587.505.975	-	144.916.408.579	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

11. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
a. Ngắn hạn	1.451.119.234	15.781.050.909
Chi phí công cụ, dụng cụ xuất dùng	1.090.195.315	-
Chi phí sửa chữa tài sản cố định	77.156.366	-
Chi phí bảo hiểm	242.546.653	-
Chi phí trả trước về thuê hoạt động TSCĐ	41.220.900	15.781.050.909
a. Dài hạn	20.348.664.400	32.516.101.245
Chi phí công cụ, dụng cụ xuất dùng	7.061.030.411	31.830.999.995
Chi phí đền bù và trùng tu mỏ khoáng sản	8.776.355.353	-
Chênh lệch giữa giá trị còn lại và giá trị thanh lý của TSCĐ bán và thuê lại theo hợp đồng thuê tài chính	4.511.278.636	-
Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định	-	42.934.583
Chi phí tư vấn quản lý doanh nghiệp	-	614.666.667
Chi phí khác chờ phân bổ	-	27.500.000
Cộng	21.799.783.634	48.297.152.154

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

MẪU SỐ B 09-DN/HN

12. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị dụng cụ quản lý VND	Công VND
NGUYỄN GIÁ					
Tại ngày 01/01/2015	-	28.352.993.470	8.861.617.998	1.027.821.272	38.242.432.740
Mua trong năm	-	16.546.045.182	3.435.314.273	98.129.000	20.079.488.455
Đầu tư XDCB hoàn thành	2.133.359.399	-	-	-	2.133.359.399
Tặng do hợp nhất	7.484.265.799	17.430.380.165	6.000.275.804	158.545.455	31.073.467.223
Thanh lý, nhượng bán trong năm	-	(27.577.110.076)	(4.801.809.138)	(283.721.272)	(32.662.640.486)
Phân loại lại danh mục tài sản	(2.482.851.689)	2.428.871.192	212.525.952	(158.545.455)	-
Tại ngày 31/12/2015	7.134.773.509	37.181.179.933	13.707.924.889	842.229.000	58.866.107.331
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Tại ngày 01/01/2015	-	13.000.128.714	4.659.959.333	727.296.321	18.387.384.368
Khấu hao trong năm	324.816.348	4.117.950.518	1.592.803.471	156.124.116	6.191.694.453
Tặng do hợp nhất	5.447.062.081	11.454.210.925	4.456.189.020	77.636.364	21.435.098.390
Thanh lý, nhượng bán trong năm	-	(10.111.871.161)	(1.492.029.452)	(283.721.272)	(11.887.621.885)
Phân loại lại danh mục tài sản	(1.574.511.975)	4.184.415.380	(2.532.267.041)	(77.636.364)	-
Tại ngày 31/12/2015	4.197.366.454	22.644.834.376	6.684.655.331	599.699.165	34.126.555.326
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 01/01/2015	-	15.352.864.756	4.201.658.665	300.524.951	19.855.048.372
Tại ngày 31/12/2015	2.937.407.055	14.536.345.557	7.023.269.558	242.529.835	24.739.552.005

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 24.576.962.368 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 9.305.485.723 VND). Nguyên giá tài sản cố định hữu hình hư hỏng, không sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 2.265.447.001 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 2.265.447.001 VND).

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 24, Công ty đã sử dụng máy móc thiết bị và một số phương tiện vận tải để thế chấp cho các khoản vay ngân hàng. Nguyên giá của tài sản cầm cố thế chấp tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 5.099.300.233 VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

13. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH THUÊ TÀI CHÍNH

	Máy móc thiết bị
	VND
NGUYÊN GIÁ	
Tại ngày 01/01/2015	-
Thuê trong năm	12.156.410.000
Tại ngày 31/12/2015	12.156.410.000
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ	
Tại ngày 01/01/2015	-
Khấu hao trong năm	-
Tại ngày 31/12/2015	-
GIÁ TRỊ CÒN LẠI	
Tại ngày 01/01/2015	-
Tại ngày 31/12/2015	12.156.410.000

14. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Phần mềm vi tính	Quyền khai thác khoáng sản	Cộng
	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ			
Tại ngày 01/01/2015	160.000.000	-	160.000.000
Mua trong năm	-	100.000.000	100.000.000
Tặng do hợp nhất	15.750.234	642.857.143	658.607.377
Tại ngày 31/12/2015	175.750.234	742.857.143	918.607.377
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Tại ngày 01/01/2015	25.031.968	-	25.031.968
Khấu hao trong năm	40.000.006	20.833.335	60.833.341
Tặng do hợp nhất	15.750.234	642.857.143	658.607.377
Tại ngày 31/12/2015	80.782.208	663.690.478	744.472.686
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày 01/01/2015	134.968.032	-	134.968.032
Tại ngày 31/12/2015	94.968.026	79.166.665	174.134.691

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

15. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ CHO THUÊ

	Quyền sử dụng đất VND	Giá trị nhà trên đất VND	Cộng VND
NGUYÊN GIÁ			
Tại ngày 01/01/2015	5.836.987.368	1.042.048.528	6.879.035.896
Tăng trong năm	-	-	-
Tại ngày 31/12/2015	<u>5.836.987.368</u>	<u>1.042.048.528</u>	<u>6.879.035.896</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Tại ngày 01/01/2015	723.090.890	713.438.509	1.436.529.399
Trích khấu hao trong năm	116.739.745	41.681.940	158.421.685
Tại ngày 31/12/2015	<u>839.830.635</u>	<u>755.120.449</u>	<u>1.594.951.084</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày 01/01/2015	5.113.896.478	328.610.019	5.442.506.497
Tại ngày 31/12/2015	<u>4.997.156.733</u>	<u>286.928.079</u>	<u>5.284.084.812</u>

Bất động sản đầu tư là giá trị đất và nhà văn phòng cho thuê tại địa chỉ số 29/3, đường D2, phường 2, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh. Lô đất có thời hạn sử dụng là 50 năm, sẽ hết hạn sử dụng vào ngày 19 tháng 1 năm 2056 theo Quyết định số 1218/QĐ-UBND ngày 18 tháng 03 năm 2010 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Công ty đã sử dụng quyền sử dụng đất để đảm bảo cho khoản vay tại ngân hàng Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Vĩnh Long.

Giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư chưa được đánh giá và trình bày trên thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất. Tuy nhiên, căn cứ vào giá trị thị trường của những tài sản tương đương và tỷ lệ cho thuê cao, Ban Tổng Giám đốc Công ty tin tưởng rằng giá trị hợp lý lớn hơn giá trị ghi sổ của tài sản vào ngày kết thúc năm tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

MẪU SỐ B 09-DN/HN

16. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

a. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá gốc VND	Phần lợi nhuận sau ngày đầu tư VND	Giá gốc VND	Phần lợi nhuận sau ngày đầu tư VND
Công ty Cổ phần Tư vấn và Kiểm định Xây dựng	1.960.000.000	296.929.565	1.960.000.000	-
Cộng	1.960.000.000	296.929.565	1.960.000.000	-

b. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Công ty Cổ phần BOO Nước Đồng Tâm	13.322.550.000	-	13.322.550.000	-
Cộng	13.322.550.000	-	13.322.550.000	-

Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào công ty liên kết và góp vốn và đơn vị khác của Công ty không được xác định do đến thời điểm hiện tại vẫn chưa có hướng dẫn cụ thể và thống nhất về phương pháp xác định giá trị hợp lý trong kế toán của các khoản đầu tư này.

Giá trị khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần BOO Nước Đồng Tâm là mệnh giá của 1.332.255 cổ phần mà Công ty đang nắm giữ tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, tương ứng với tỷ lệ quyền biểu quyết là 4%.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

17. TÀI SẢN THUẾ THU NHẬP HOÀN LẠI

	Các khoản lãi/(lỗ) chưa thực hiện bị loại trừ khi hợp nhất VND
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2014	-
Thuế suất thuế TNDN sử dụng để tính thuế hoãn lại	22%
Ghi nhận vào kết quả kinh doanh trong năm	-
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2015	-
Thuế suất thuế TNDN sử dụng để tính thuế hoãn lại	22%
Ghi nhận vào kết quả kinh doanh trong năm	(3.921.389.198)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015	3.921.389.198
Thu nhập thuần ghi nhận vào kết quả kinh doanh hợp nhất	(3.921.389.198)

18. LỢI THẾ THƯƠNG MẠI

	Giá trị ghi sổ VND
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2014	-
Tăng do mua công ty con trong năm	-
Phân bổ vào kết quả kinh doanh hợp nhất	-
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2015	-
Tăng do mua công ty con trong năm	44.941.615.175
Phân bổ vào kết quả kinh doanh hợp nhất	(2.247.080.759)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015	42.694.534.416

19. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá trị VND	Số có khả năng thanh toán VND	Giá trị VND	Số có khả năng thanh toán VND
Công ty Cổ Phần				
ROADCO	16.781.679.941	16.781.679.941	-	-
Công ty TNHH XD Sài Gòn Phát Thành Đạt	5.201.848.850	5.201.848.850	-	-
Công ty TNHH Đức My	4.410.853.267	4.410.853.267	-	-
Công ty CP Đầu tư Thương mại Đức Thành	3.983.601.550	3.983.601.550	-	-
Các nhà cung cấp khác	11.828.506.826	11.828.506.826	18.431.612.920	18.431.612.920
Cộng	42.206.490.434	42.206.490.434	18.431.612.920	18.431.612.920

Trong đó, phải trả người bán là các bên liên quan

Công ty CP Đầu tư Cầu đường CII (B&R)	-	-	850.996.290	850.996.290
--	---	---	-------------	-------------

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

20. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
Người mua trả tiền trước là các bên liên quan	269.600.603.797	8.017.529.746
<i>Công ty Cổ Phần Đầu Tư Hạ Tầng Kỹ Thuật</i>		
<i>Thành phố Hồ Chí Minh</i>	199.988.667.473	-
<i>Công ty Cổ Phần Hạ Tầng Nước Sài Gòn</i>	45.308.764.541	-
<i>Công ty Cổ Phần Đầu Tư Và Xây Dựng Xa Lộ</i>		
<i>Hà Nội</i>	24.303.171.783	8.017.529.746
Các đối tượng khác	12.476.201.739	2.305.836.145
Cộng	282.076.805.536	10.323.365.891

21. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	01/01/2015	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	31/12/2015
	VND	VND	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	-	21.786.514.200	19.551.497.891	2.235.016.309
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.825.848.331	27.918.284.498	7.099.677.406	22.644.455.423
Thuế thu nhập cá nhân	105.944.895	339.022.632	172.494.492	272.473.035
Thuế nhà thầu				-
Các khoản phải nộp khác	405.141.045	4.990.416.832	3.240.807.811	2.154.750.066
Cộng	2.336.934.271	55.034.238.162	30.064.477.600	27.306.694.833

22. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
Chi phí lãi vay phải trả	579.352.438	-
Trích trước chi phí sản xuất kinh doanh khác	1.297.287.456	-
Cộng	1.876.639.894	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

23. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	159.811.306	-
Bảo hiểm xã hội	1.103.175.970	646.140.059
Bảo hiểm y tế	63.678.416	40.733.546
Bảo hiểm thất nghiệp	70.264.498	17.836.105
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	92.162.989.206	31.852.089.600
Phải trả lãi vay	5.317.606.220	245.250.000
Phải trả về vốn hỗ trợ kinh doanh	109.493.706.786	104.000.000.000
Phải trả về khoản nhận góp vốn liên doanh	-	-
Phải trả các đội giao khoán thi công các công trình xây dựng	17.889.964.092	7.118.674.545
Các khoản phải trả, phải nộp khác	2.549.497.857	16.753.355.593
Cộng	228.810.694.351	160.674.079.448
<i>Trong đó, phải trả các bên liên quan</i>		
Công ty Cổ Phần Đầu Tư Hạ Tầng Kỹ Thuật TP.HCM	206.547.215.355	136.097.339.600
Phải trả Công ty Cổ phần Tư vấn và Kiểm định Xây Dựng	-	1.521.102.070
Cộng	206.547.215.355	137.618.441.670

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

MẪU SỐ B 09-DN/HN

24. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá trị có khả năng thanh toán		Giá trị có khả năng thanh toán	
	Nợ gốc VND	VND	Tăng VND	Giảm VND
a. Ngắn hạn				
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh 11, TP. Hồ Chí Minh (i)	99.153.282.585	180.317.021.915	117.256.739.330	36.093.000.000
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN TP. Hồ Chí Minh (ii)	15.000.000.000	71.388.540.980	56.388.540.980	-
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Vĩnh Long (iii)	96.178.005.778	96.178.005.778	-	-
Cộng	210.331.288.363	210.331.288.363	173.645.280.310	36.093.000.000
b. Dài hạn				
Công ty TNHH Cho Thuê Tài Chính Quốc Tế Việt Nam	13.372.051.000	13.372.051.000	-	-

(i) Số dư nợ vay ngắn hạn cuối kỳ là khoản vay theo hợp đồng tín dụng ký ngày 2 tháng 2 năm 2015 giữa Công ty và Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh 11, Thành phố Hồ Chí Minh với hạn mức cho vay là 100.000.000.000 VND, thời hạn của mỗi khoản vay là không quá 6 tháng. Lãi suất cho vay của các khoản vay giải ngân tại ngày ký hợp đồng là 9,5%/năm và được điều chỉnh định kỳ mỗi tháng. Tài sản đảm bảo cho khoản vay này là quyền đòi nợ và thụ hưởng số tiền đòi nợ của các công trình xây dựng mà Công ty đã sử dụng vốn vay để thi công.

(ii) Số dư nợ vay ngắn hạn cuối kỳ là khoản vay theo hợp đồng tín dụng ký ngày 6 tháng 1 năm 2015 giữa Công ty và Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh với hạn mức vay là 60.000.000.000 VND, thời hạn của mỗi khoản vay là không quá 12 tháng. Lãi suất cho vay được quy định cụ thể theo từng khế ước nhận nợ tuy nhiên không thấp hơn lãi suất ưu đãi của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh quy định theo từng thời kỳ. Công ty sử dụng tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn tương đương trị giá 15 tỷ VND để đảm bảo cho khoản vay này.

(iii) Số dư nợ vay ngắn hạn cuối kỳ là khoản vay theo hợp đồng tín dụng ký ngày 15 tháng 7 năm 2015 giữa Công ty và Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Vĩnh Long với hạn mức cho vay ngắn hạn là 100.000.000.000 VND, hạn mức dư nợ vay và bảo lãnh tối đa là 300.000.000.000 VND. Thời hạn và lãi suất cho vay được quy định theo từng hợp đồng tín dụng cụ thể. Công ty sử dụng quyền sử dụng đất và nhà văn phòng cho thuê tại số 29/3, đường D2, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh; hệ thống đúc hàng; xe ô tô Honda (CRV) mang biển số 51A-835.2; xe ô tô Ford (RANGER) mang biển số 51C-394.48 và xe ô tô Hyundai (SANTAFE) BS: 51A-856.54 để đảm bảo cho khoản vay này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

MÃ SỐ B 09-DN/HN

25. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Cộng VND
Tại ngày 01/01/2014	134.074.890.000	400.000.000	-	12.696.945.008	147.171.835.008
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	24.411.490.634	24.411.490.634
Tặng vốn trong năm	265.925.110.000	-	-	-	265.925.110.000
Chia cổ tức	-	-	-	(32.000.000.000)	(32.000.000.000)
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	(2.722.673.012)	(2.722.673.012)
Trích các quỹ trong năm	-	-	1.846.985.965	(1.846.985.965)	-
Tại ngày 01/01/2015	400.000.000.000	400.000.000	1.846.985.965	538.776.665	402.785.762.630
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	92.179.906.153	92.179.906.153
Tặng khác	-	-	-	124.908.775	124.908.775
Chia cổ tức	-	-	-	(92.159.924.037)	(92.159.924.037)
Trích quỹ Khen thưởng phúc lợi	-	-	-	(366.159.453)	(366.159.453)
Trích các quỹ trong năm	-	-	-	32.743.832	32.743.832
Tại ngày 31/12/2015	400.000.000.000	400.000.000	1.846.985.965	350.251.935	402.597.237.900

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

25. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

Chi tiết vốn chủ sở hữu

Tên cổ đông	31/12/2015		01/01/2015	
	Tỷ lệ (%)	Giá trị (VND)	Tỷ lệ (%)	Giá trị (VND)
Công ty CP Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh	99,54%	398.151.120.000	99,54%	398.151.120.000
Các cổ đông khác	0,46%	1.848.880.000	0,46%	1.848.880.000
Cộng	100%	400.000.000.000	100%	398.151.120.000

26. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	2015 VND	2014 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		
Doanh thu từ hoạt động xây dựng	1.113.236.880.703	324.623.267.016
Doanh thu bán hàng	64.153.815.630	10.495.152.027
Doanh thu cung cấp dịch vụ hạ tầng và các dịch vụ khác	609.208.816	2.635.197.147
Cộng	1.177.999.905.149	337.753.616.190
Các khoản giảm trừ doanh thu		
Hàng bán trả lại	(328.561.969)	(491.021.790)
Doanh thu thuần	1.177.671.343.180	337.262.594.400

Trong đó, doanh thu từ việc bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Công ty Cổ phần Hạ tầng nước Sài Gòn: <i>Khối lượng thi công các gói thuộc dự án nhà máy nước Củ Chi</i>	292.537.663.814	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Xa lộ Hà Nội: <i>Khối lượng thi công xây lắp các gói thầu dự án mở rộng Xa lộ Hà Nội</i>	40.099.614.355	184.578.409.646
Công ty TNHH MTV BOT Tỉnh Ninh Thuận: <i>Khối lượng thi công công trình mở rộng tuyến tránh Phan Rang Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận - giai đoạn 2</i>	452.503.380.953	18.659.941.225
Công ty Cổ phần Xây dựng Cầu Sài Gòn: <i>Khối lượng thi công xây dựng cầu Sài Gòn</i>	-	23.358.211.858
Công ty Cổ phần Đầu tư Và Phát triển Xây dựng Ninh Thuận: <i>Khối lượng thi công xây lắp</i>	-	4.825.670.692
Cộng	785.140.659.122	231.422.233.421

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

27. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	2015 VND	2014 VND
Doanh thu từ hoạt động xây dựng	965.791.954.399	287.943.673.470
Giá vốn hàng đã bán	68.718.764.196	12.501.594.041
Giá vốn của dịch vụ	118.816.263	158.421.689
Cộng	1.034.629.534.858	300.603.689.200

28. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	2015 VND	2014 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	10.510.177.959	4.701.728.533
Cổ tức, lợi nhuận được chia	235.200.000	-
Lợi nhuận được chia từ hợp đồng hợp tác đầu tư chứng khoán	-	6.812.650.303
Cộng	10.745.377.959	11.514.378.836

29. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	2015 VND	2014 VND
Chi phí lãi vay	16.772.945.359	4.114.879.277
Lãi phải trả nợ thuê tài chính	-	71.933.574
Lãi phạt chậm thanh toán cho nhà cung cấp	-	361.532.185
Cộng	16.772.945.359	4.548.345.036

30. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	2015 VND	2014 VND
Chi phí nhân viên quản lý	8.995.529.344	8.662.856.438
Chi phí đồ dùng văn phòng	274.476.431	524.695.462
Chi phí khấu hao	1.390.540.586	142.787.594
Chi phí dự phòng	51.477.015	80.464.563
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.802.241.479	1.076.370.874
Chi phí bằng tiền khác	1.281.224.037	343.815.124
Phân bổ lợi thế thương mại	2.247.080.759	-
Cộng	21.042.569.651	10.830.990.055

31. THU NHẬP KHÁC

	2015 VND	2014 VND
Thu từ thanh lý tài sản cố định	2.850.975.228	-
Xử lý các khoản nợ phải trả	4.623.457	609.512.414
Thu nhập khác	182.916.127	77.018.813
Cộng	3.038.514.812	686.531.227

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

32. CHI PHÍ KHÁC

	2015 VND	2014 VND
Các khoản phạt vi phạm thuế	1.614.455.471	772.458.468
Các khoản phạt chậm nộp bảo hiểm xã hội	224.561.776	-
Giá trị còn lại của TSCĐ thanh lý	611.092.193	-
Chi phí thanh lý vật tư hư hỏng	-	530.765.057
Giá trị nợ phải thu khó đòi bị xóa trong kỳ	-	472.110.000
Dự phòng nợ phải thu khó đòi	-	1.365.312.127
Các khoản chi phí khác không liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh	334.112.520	11.554.648
Cộng	2.784.221.960	3.152.200.300

33. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	2015 VND	2014 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	116.176.801.453	30.328.279.872
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
Chi phí không được trừ	929.547.404	3.378.866.966
Lợi nhuận tính thuế của công ty con trước khi mua	(1.907.919.722)	-
Lợi nhuận chưa thực hiện từ giao dịch nội bộ bị loại trừ khi hợp nhất	17.824.496.355	-
Cổ tức, lợi nhuận được chia	(235.200.000)	(6.812.650.303)
Thu nhập chịu thuế	132.787.725.490	26.894.496.535
Chuyển lỗ	(9.403.837.205)	-
Thu nhập tính thuế	123.383.888.285	26.894.496.535
Thuế suất thuế TNDN	22%	22%
Thuế TNDN phải nộp	27.144.455.423	5.916.789.238
Thuế TNDN năm trước nộp bổ sung	773.829.075	-
Chi phí thuế TNDN hiện hành	27.918.284.498	5.916.789.238

34. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	2015 VND	2014 VND
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông Công ty mẹ sở hữu cổ phiếu phổ thông	92.179.906.153	24.411.490.634
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu đang lưu hành trong kỳ	40.000.000	40.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	2.304	610

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

MÃU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

35. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 16 trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn của các cổ đông (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ, lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Hệ số đòn bẩy tài chính

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
Các khoản vay và nợ thuê tài chính	333.197.046.149	140.093.000.000
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	(179.158.403.555)	(165.975.179.165)
Nợ thuần	154.038.642.594	(25.882.179.165)
Vốn chủ sở hữu	402.597.237.900	402.785.762.630
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	38%	Nil

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 4.

Các loại công cụ tài chính

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	179.158.403.555	165.975.179.165
Phải thu khách hàng	107.696.715.110	24.967.837.198
Phải thu khác	123.627.876.297	79.934.473.161
Đầu tư tài chính ngắn hạn	161.001	161.001
Đầu tư tài chính dài hạn	15.579.479.565	15.282.550.000
Cộng	426.062.635.528	286.160.200.525
Nợ phải trả tài chính		
Các khoản vay và nợ thuê tài chính	333.197.046.149	140.093.000.000
Phải trả người bán	42.206.490.434	18.431.612.920
Các khoản phải trả khác	100.030.093.283	48.850.695.193
Chi phí phải trả	1.876.639.894	-
Cộng	477.310.269.760	207.375.308.113

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 (“Thông tư 210”) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường hoạt động giao dịch các công cụ tài chính này.

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ được Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

MÃU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

35. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

	Dưới 1 năm VND	Từ 1 đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Tổng cộng VND
Tại ngày 31/12/2015				
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản trương đương tiền	179.158.403.555	-	-	179.158.403.555
Phải thu khách hàng	107.696.715.110	-	-	107.696.715.110
Phải thu khác	122.146.207.597	1.481.668.700	-	123.627.876.297
Đầu tư tài chính ngắn hạn	161.001	-	-	161.001
Đầu tư tài chính dài hạn	-	-	15.579.479.565	15.579.479.565
Cộng	409.001.487.263	1.481.668.700	15.579.479.565	426.062.635.528
Nợ phải trả tài chính				
Các khoản vay và nợ thuế tài chính	319.824.995.149	13.372.051.000	-	333.197.046.149
Phải trả người bán	42.206.490.434	-	-	42.206.490.434
Các khoản phải trả khác	100.030.093.283	-	-	100.030.093.283
Chi phí phải trả	1.876.639.894	-	-	1.876.639.894
Cộng	463.938.218.760	13.372.051.000	-	477.310.269.760
Chênh lệch thanh khoản thuần	(54.936.731.497)	(11.890.382.300)	15.579.479.565	(51.247.634.232)
Tại ngày 01/01/2015				
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản trương đương tiền	165.975.179.165	-	-	165.975.179.165
Phải thu khách hàng	24.967.837.198	-	-	24.967.837.198
Phải thu khác	79.828.138.161	106.335.000	-	79.934.473.161
Đầu tư tài chính ngắn hạn	161.001	-	-	161.001
Đầu tư tài chính dài hạn	-	-	15.282.550.000	15.282.550.000
Cộng	270.771.315.525	106.335.000	15.282.550.000	286.160.200.525
Nợ phải trả tài chính				
Các khoản vay và nợ thuế tài chính	140.093.000.000	-	-	140.093.000.000
Phải trả người bán	18.431.612.920	-	-	18.431.612.920
Các khoản phải trả khác	48.850.695.193	-	-	48.850.695.193
Chi phí phải trả	-	-	-	-
Cộng	207.375.308.113	-	-	207.375.308.113
Chênh lệch thanh khoản thuần	63.396.007.412	106.335.000	15.282.550.000	78.784.892.412

Ban Tổng Giám đốc đánh giá rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

MÃU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

36. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Các bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh	Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Hạ tầng nước Sài Gòn	Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Xa lộ Hà Nội	Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty TNHH MTV BOT Tỉnh Ninh Thuận	Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty Cổ phần Xây dựng cầu Sài Gòn	Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Xây dựng Ninh Thuận	Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty Cổ phần Đầu tư Cầu đường CII	Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Cầu đường Bình Triệu	Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty Cổ phần Tư vấn và Kiểm định Xây dựng	Công ty liên kết

Ngoài các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan như đã trình bày tại Thuyết minh số 26, trong năm Công ty còn có các giao dịch trọng yếu khác với các bên liên quan như sau:

	2015 VND	2014 VND
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh		
<i>Chi phí lãi vay phải trả</i>	6.093.196.801	911.035.581
<i>Lãi tiền cho vay phải thu</i>	368.498.395	-
<i>Chia cổ tức cho công ty mẹ</i>	91.735.902.349	31.852.089.600
<i>Phát hành cổ phiếu cho công ty mẹ</i>	-	250.000.000.000
<i>Nhận vốn hợp tác đầu tư thi công dự án từ công ty mẹ</i>	872.718.116.205	729.600.000.000
<i>Hoàn trả vốn hợp tác đầu tư thi công dự án cho công ty mẹ</i>	867.224.409.419	667.960.186.157
<i>Hỗ trợ vốn cho công ty mẹ</i>	68.147.910.400	-
<i>Thu hồi vốn hỗ trợ công ty mẹ</i>	68.147.910.400	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Cầu đường CII		
<i>Hỗ trợ vốn</i>	-	129.400.000.000
<i>Thu hồi vốn hỗ trợ</i>	-	129.400.000.000
<i>Mua hàng</i>	-	518.329.182
<i>Lãi phải thu từ khoản hỗ trợ vốn</i>	-	2.557.500.001
Công ty Cổ phần Kỹ thuật Enviro: Mua máy móc, thiết bị liên quan đến dự án nhà máy nước Củ Chi	106.367.874.857	-

Thu nhập Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc được hưởng trong năm như sau:

	2015 VND	2014 VND
Lương và thưởng	1.716.983.960	1.105.793.127

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN


Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

37. SỐ LIỆU SO SÁNH

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 03, kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2015, Công ty đã áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp theo Thông Tư 200 và Thông tư 202. Theo đó, Công ty đã thực hiện trình bày lại một số chỉ tiêu trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 1 tháng 1 năm 2015 theo quy định của Thông tư 200 và Thông tư 202, do đó số liệu của Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 là có thể so sánh được với số liệu tương ứng của năm 2014. Chi tiết các khoản mục được trình bày lại như sau:

Các chỉ tiêu	01/01/2015 Theo QĐ 15	Trình bày lại	01/01/2015 Trình bày lại
Tài sản ngắn hạn	158.514.703.521	-	158.514.703.521
Phải thu ngắn hạn khác	78.020.904.545	80.493.798.976	158.514.703.521
Tài sản ngắn hạn khác	80.493.798.976	(80.493.798.976)	-
Cộng tài sản	158.514.703.521	-	158.514.703.521


Nguyễn Thị Khánh Phương
Người lập biểu
Ngày 30 tháng 3 năm 2016


Lưu Hải Ca
Kế toán trưởng



Phạm Vũ Thúc
Tổng Giám đốc

